TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ CÔNG TÂY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **415**/2020/HNGĐ-ST
Ngày 23-12-2020
V/v: "Tranh chấp ly hôn và nuôi con"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY – TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Đào Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Xuân Bình;

2. Bà Nguyễn Thị Nhàn;

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Thanh Sang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Khắc Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 268/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp "Ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 143/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 114/2020/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Dương Thị Minh G – sinh năm 1987;

Địa chỉ: Số *, N, Phường *, Quận 6, thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Anh Phan Đình Tuấn A – sinh năm 1976;

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

(Chị G có mặt tại phiên tòa;

Anh Tuấn A vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản hòa giải nguyên đơn chị Dương Thị Minh G trình bày:*

- Về hôn nhân: Chị và anh Tuấn A cưới nhau vào năm 2009, do tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường *, Quận 6, thành phố Hồ Chí

Minh. Sau khi cưới, chị và anh Tuấn A sinh sống tại thành phố Hồ Chí Minh. Trong quá trình chung sống, anh Tuấn A thường xuyên vắng nhà không lo làm để chăm lo cho vợ con, đồng thời anh Tuấn A có thời gian nghiện ma túy và đi cai nghiện. Chị và anh Tuấn A đã ly thân và không còn liên lạc với nhau từ năm 2010 cho đến nay. Nay chị không còn tình cảm với anh Tuấn A nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Tuấn A.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Phan Anh K – sinh ngày 18/7/2009. Hiện nay cháu K đang do chị nuôi dưỡng, khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và chị không yêu cầu anh Tuấn A cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

** Bị đơn anh Phan Đình Tuấn A vắng mặt không tham gia phiên tòa.*

* **Tại phiên tòa**

Nguyên đơn chị G vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn đối với anh Phan Đình Tuấn A. Về con chung, chị G yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh Tuấn A cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung, chị G trình bày giữa chị và anh Tuấn A không có tài sản chung và nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn, yêu cầu nuôi dưỡng con chung của chị G đối với anh Tuấn A. Về tài sản chung và nợ chung, chị G trình bày giữa chị và anh Tuấn A không có tài sản chung và nợ chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định các vấn đề sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Chị Dương Thị Minh G yêu cầu được ly hôn với anh Phan Đình Tuấn A và yêu cầu giải quyết vấn đề con chung giữa anh chị khi ly hôn. Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là ly hôn và nuôi con chung theo quy định tại Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Bị đơn anh Phan Đình Tuấn A đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa, nhưng anh Tuấn A không đến tham dự phiên tòa và không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của chị G, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt anh Tuấn A.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn chị G đối với anh Tuấn A, Hội đồng xét xử xét thấy chị G và anh Tuấn A tự nguyện cưới nhau vào năm 2009 và có đăng ký kết

hôn tại Ủy ban nhân dân phường *, Quận 6, thành phố Hồ Chí Minh nên hôn nhân giữa chị G và anh Tuấn A là hợp pháp. Quá trình chung sống, giữa chị G và anh Tuấn A phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Tuấn A thường xuyên vắng nhà và không lo làm ăn để chăm lo cho vợ con. Chị G và anh Tuấn A đã ly thân từ năm 2010 cho đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy, chị G và anh Tuấn A đã ly thân trong thời gian dài nhưng anh chị không giải quyết mâu thuẫn để hàn gắn tình cảm, đồng thời quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh Tuấn A nhưng anh Tuấn A không đến tham dự phiên tòa và không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của chị G chứng tỏ anh Tuấn A không muốn hàn gắn tình cảm với chị G. Do đó, Hội đồng xét xử xác định mâu thuẫn giữa chị G và anh Tuấn A đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị G đối với anh Tuấn A.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống chị G và anh Tuấn A có 01 con chung tên Phan Anh K – sinh ngày 18/7/2009. Khi ly hôn, chị G yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh Tuấn A cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy, trong thời gian chị G và anh Tuấn A ly thân thì cháu K do chị G nuôi dưỡng, quá trình giải quyết vụ án anh Tuấn A không có ý kiến đối với yêu cầu nuôi dưỡng con chung của chị G, đồng thời cháu K có nguyện vọng được sống với mẹ khi cha mẹ ly hôn, do đó để tránh thay đổi hoàn cảnh sống ảnh hưởng đến sự phát triển tâm lý và thể chất của cháu nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh Tuấn A cấp dưỡng nuôi con chung của chị G

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị G trình bày trong quá trình chung sống chị và anh Tuấn A không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn và yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh Tuấn A cấp dưỡng nuôi con của chị G. Hội đồng xét xử xét thấy những phân tích và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định nêu trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[7] Về án phí: Chị G phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 59, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Dương Thị Minh G đối với anh Phan Đình Tuấn A.

Chị Dương Thị Minh G được ly hôn với anh Phan Đình Tuấn A.

2/ Chấp nhận yêu cầu nuôi dưỡng con chung của chị G. Giao con chung tên Phan Anh K – sinh ngày 18/7/2009 cho chị G nuôi dưỡng. Anh Tuấn A không phải cấp dưỡng nuôi con chung và anh Tuấn A được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con thực hiện quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

3/ Án phí: Chị Dương Thị Minh G phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được cấn trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai số 0016757 ngày 01/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang, nên chị G đã thi hành xong.

4/ Chị G được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh Tuấn A được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tống đạt hợp lệ bản án anh Tuấn A.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện GCT;
- UBND phường *, Quận 6, thành phố Hồ Chí Minh.
- Chi cục THADS huyện GCT;
- Các đương sự;
- Lưu HS, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Thị Đào Oanh